

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ RẠNG VÂN



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP
GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ
CỬA HÀNG KINH DOANH XĂNG DẦU**
Tại Ấp 7, Xã Phương Thịnh, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ RẠNG VÂN



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP
GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ
CỬA HÀNG KINH DOANH XĂNG DẦU**

Tại Ấp 7, Xã Phương Thịnh, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

CHỦ DỰ ÁN
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
DẦU KHÍ RẠNG VÂN
GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Phấn

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH SX TM DV
ĐỒNG THẮNG
GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

MỤC LỤC	3
DANH MỤC CÁC BẢNG	5
DANH MỤC CÁC HÌNH	6
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	7
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	8
1.1. Tên Chủ dự án đầu tư	8
1.2. Tên dự án đầu tư	8
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư	9
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng và nguồn cung cấp điện, nước của Dự án đầu tư	11
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư	12
1.5.1. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất khu vực thực hiện dự án	12
1.5.2. Tổ chức quản lý sản xuất, thực hiện dự án	13
1.5.3. Tổng mức đầu tư	13
1.5.4. Tiến độ thực hiện Dự án	13
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	14
2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường	14
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải	14
CHƯƠNG III: HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	15
3.1. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực dự án	15
3.2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của Dự án	15
3.2.1. Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải	15
3.2.2. Mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải	18
3.2.3. Các hoạt động khai thác, sử dụng nước tại khu vực tiếp nhận nước thải	19
3.2.4. Hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải	19
CHƯƠNG IV: ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	20
4.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án	20
4.1.1. Về nước thải	20
4.1.2. Về rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại	21
4.1.3. Về bụi, khí thải	23
4.1.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác	24
4.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành	27
4.2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải	27

4.2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	31
4.2.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	32
4.2.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	32
4.2.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	34
4.2.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	34
4.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	36
4.3.1. Dự toán kinh phí đối với các công trình bảo vệ môi trường	36
4.3.2. Tổ chức, bộ máy quản lý vận hành các công trình bảo vệ môi trường	36
4.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo.....	37
4.4.1. Nhận xét khách quan về mức độ chi tiết của các kết quả đánh giá, dự báo	37
4.4.2. Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo	37
CHƯƠNG V: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	39
5.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	39
5.1.1. Nguồn phát sinh nước thải.....	39
5.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa	39
5.1.3. Dòng nước thải	39
5.1.4. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải.....	39
5.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải	40
5.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	40
CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	41
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	41
6.2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	41
6.2.1. Quan trắc tiếng ồn trong giai đoạn xây dựng	42
6.2.2. Quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động	42
6.3. Kinh phí quan trắc môi trường hàng năm.....	43
CHƯƠNG VII: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	44

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Tọa độ các điểm mốc của dự án.....	8
Bảng 2: Công suất hoạt động của dự án	10
Bảng 3: Các loại máy móc, thiết bị của dự án.....	11
Bảng 4: Các loại nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng tại dự án.....	12
Bảng 5: Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở	12
Bảng 6: Các hạng mục công trình dự án	13
Bảng 7: Nhiệt độ không khí trung bình qua các năm.....	16
Bảng 8: Thống kê số giờ nắng qua các năm (Hr).....	16
Bảng 9: Thống kê lượng mưa qua các năm (mm).....	17
Bảng 10: Thống kê độ ẩm qua các năm (%)	18
Bảng 11: Tổng hợp hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án	27
Bảng 12: Tổng hợp hệ thống thu gom, thoát nước thải của dự án	28
Bảng 13: Các loại CTNH phát sinh tại dự án.....	33
Bảng 14: Tóm tắt dự toán kinh phí và tổ chức thực hiện, vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án	36
Bảng 15: Mức độ tin cậy của các đánh giá.....	37
Bảng 16: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải của Dự án.....	39
Bảng 17: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng khí thải của Dự án.....	40
Bảng 18: Vị trí giám sát không khí khu vực kinh doanh xăng dầu.....	42
Bảng 19: Vị trí quan trắc, giám sát bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng	43
Bảng 20: Vị trí giám sát nước thải sinh hoạt sau khi xử lý	43
Bảng 21: Chi phí giám sát môi trường của Dự án.....	43

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1: Vị trí địa lý của Cửa hàng kinh doanh xăng dầu	9
Hình 2: Sơ đồ quy trình kinh doanh xăng dầu của Cửa hàng và các yếu tố môi trường phát sinh.....	10
Hình 3: Sơ đồ quy trình kinh doanh nhớt của Cửa hàng và các yếu tố môi trường phát sinh.....	11
Hình 4: Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn dự án.....	27
Hình 5: Sơ đồ thoát nước thải của dự án	28
Hình 6: Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt.....	28
Hình 7: Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại	29

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BHLĐ	Bảo hộ lao động
BOD	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
CBCNV	Cán bộ, công nhân viên
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	Chất thải nguy hại
KT-XH	Kinh tế - Xã hội
MTV	Một thành viên
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
SX	Sản xuất
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TM	Thương mại
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSS	Tổng lượng chất rắn lơ lửng
UBND	Ủy ban nhân dân
WHO	Tổ chức Y tế thế giới

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Tên Chủ dự án đầu tư

- Tên Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Thương mại Dầu khí Rạng Vân
- Địa chỉ văn phòng: số 155 Lê Đại Hành, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.
- Người đại diện theo pháp luật của Chủ dự án đầu tư: ông Trần Ngọc Phúc.
- Chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 02773879989.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp số 1400857802 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp đăng ký lần đầu ngày 09/04/2009, thay đổi lần thứ 13 ngày 19/11/2018.

1.2. Tên dự án đầu tư

1.2.1. Tên dự án đầu tư

- Tên dự án: Cửa hàng kinh doanh xăng dầu.

1.2.2. Địa điểm thực hiện dự án

Dự án đầu tư “Cửa hàng kinh doanh xăng dầu” của Công ty TNHH Thương mại Dầu khí Rạng Vân được thực hiện tại thửa đất số 732, tờ bản đồ số 9, ấp 7, xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp với tổng diện tích khu đất thực hiện dự án đầu tư là 832,2 m².

Tọa độ điểm mốc của khu vực tại Dự án có tọa độ theo hệ VN2000, kinh tuyến trực 105°00, múi chiếu 3" như sau:

Bảng 1: Tọa độ các điểm mốc của dự án

Số hiệu điểm góc	Tọa độ VN2000 (KT 105°00', múi 3°)	
	X (m)	Y (m)
A	1167709,368	572321,284
B	1167731,801	572323,061
C	1167701,730	572341,669
D	1167683,280	572334,412

Vị trí của Dự án tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc: Giáp với đất trống.
- + Phía Nam: Giáp với đất trống.
- + Phía Tây: Giáp với đất trống.
- + Phía Đông: Giáp với đường ĐT856.

Vị trí địa lý của Dự án được thể hiện trong hình sau:



Vị trí
Cửa
hàng

Hình 1: Vị trí địa lý của Cửa hàng kinh doanh xăng dầu

✦ **Các văn bản pháp lý liên quan đến dự án:**

- Văn bản số 713/UBND-HC ngày 6/6/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh về việc phúc đáp vị trí xin xây dựng cửa hàng bán lẻ xăng dầu của Công ty TNHH Thương mại dầu khí Rạng Vân.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp GCN: CN10637 ngày 31/01/2024 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh cấp.

1.2.3. Quy mô của dự án

- Quy mô của dự án: Dự án thuộc nhóm C (dự án thuộc lĩnh vực kinh doanh bán lẻ xăng dầu có tổng mức đầu tư dưới 120 tỷ đồng, phân loại theo tiêu chí quy định của Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019 của Quốc hội).

- Căn cứ điểm a, khoản 5 điều 28 và điều 39 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 → Dự án thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường

- Căn cứ vào khoản 4 điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 → Dự án thuộc đối tượng phải thực hiện giấy phép môi trường cấp huyện.

- Báo cáo thực hiện theo phụ lục XI – Mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

1.3.1. Công suất hoạt động của dự án đầu tư

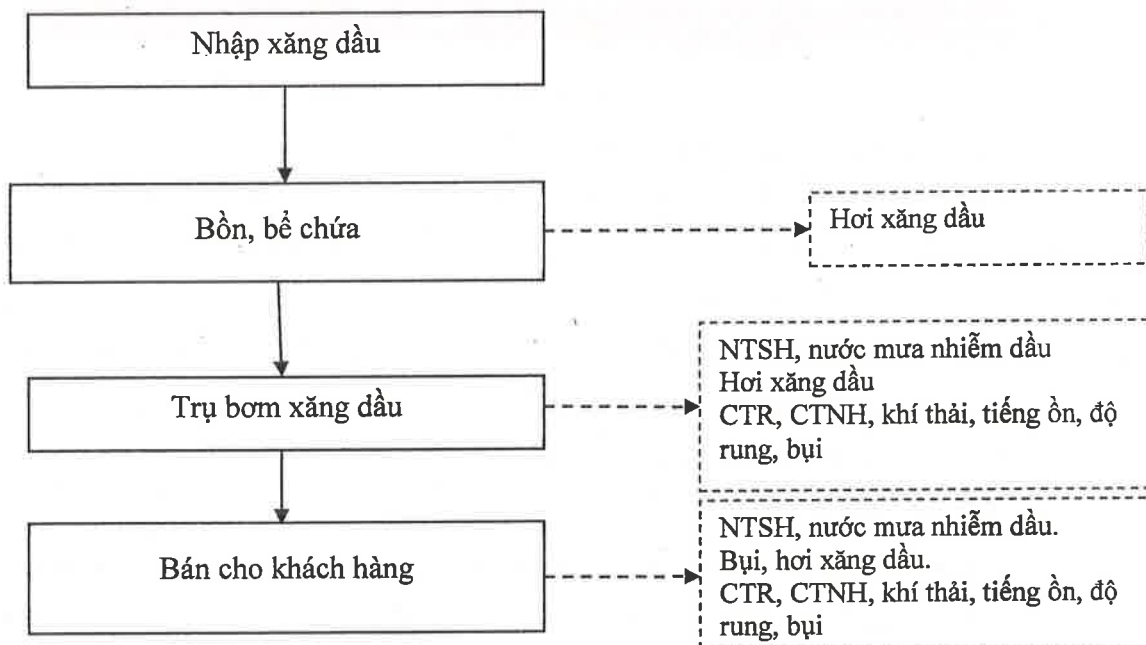
“Cửa hàng kinh doanh xăng dầu” của Công ty TNHH Thương mại Dầu khí Rạng Vân kinh doanh các loại xăng dầu như: xăng M95, xăng E5, dầu DO,... Công suất hoạt động của Cửa hàng được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2: Công suất hoạt động của dự án

STT	Tên sản phẩm	Số lượng tiêu thụ/ngày	Số lượng tiêu thụ/năm
1	Xăng M95	150 lít	54,75 m ³
2	Xăng E5, dầu DO	150 lít	54,75 m ³
3	Dầu nhớt các loại	50 lít	480 lít

1.3.2. Công nghệ sản xuất, vận hành

❖ Sơ đồ quy trình kinh doanh xăng dầu của Cửa hàng như sau:



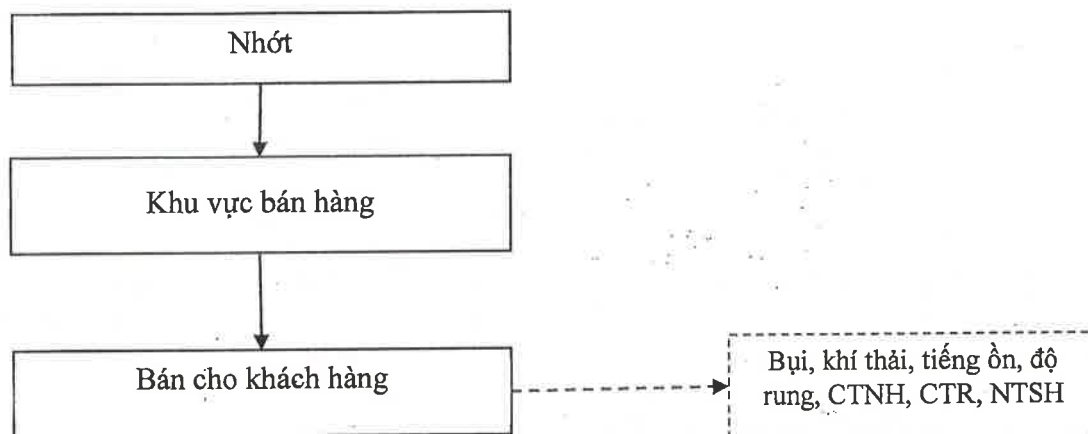
Hình 2: Sơ đồ quy trình kinh doanh xăng dầu của Cửa hàng và các yếu tố môi trường phát sinh

Thuyết minh quy trình kinh doanh:

“Cửa hàng kinh doanh xăng dầu” của Công ty TNHH Thương mại Dầu khí Rạng Vân khi đi vào hoạt động, Chủ cửa hàng sẽ hợp đồng với Công ty cổ phần nhiên liệu Đồng Tháp và các đơn vị có liên quan khác để cung cấp xăng dầu cho Cửa hàng hoạt động bán lẻ xăng dầu trên địa bàn xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Xăng dầu sau khi được Chủ cửa hàng nhập về sẽ được lưu chứa tại khu vực bồn, bể chứa xăng dầu của Cửa hàng với tổng thể tích 32 m³. Sau đó, xăng dầu sẽ được bơm vào 6 trụ bơm xăng dầu với mỗi trụ bơm khoảng 150 lít để bán cho các khách hàng theo nhu cầu trên thị trường.

❖ Sơ đồ quy trình kinh doanh nhớt của Cửa hàng như sau:



Hình 3: Sơ đồ quy trình kinh doanh nhớt của Cửa hàng và các yếu tố môi trường phát sinh

Thuyết minh quy trình kinh doanh:

Nhớt được nhập từ các đơn vị cung cấp theo dạng đóng gói sẵn (nhớt đựng trong các bình nhựa) và được lưu chứa tại khu vực bán hàng và bán cho khách hàng có nhu cầu sử dụng.

1.3.3. Các loại máy móc, thiết bị của dự án đầu tư

Các loại máy móc, thiết bị được sử dụng của Dự án như sau:

Bảng 3: Các loại máy móc, thiết bị của dự án

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng
1	Bồn, bể	Cái	2	Việt Nam	Mới
2	Cột bơm điện tử	Cái	6	Việt Nam	Mới
3	Máy phát điện dự phòng	Cái	1	Nhật	Mới
4	Bình cứu hỏa	Cái	4	Việt Nam	Mới
5	Biển cảnh báo	Cái	2	Việt Nam	Mới
6	Hệ thống chống sét	HT	1	Việt Nam	Mới

1.3.4. Sản phẩm của Dự án đầu tư

Cửa hàng thuộc loại hình kinh doanh bán lẻ xăng dầu. Sản phẩm của Cửa hàng kinh doanh các loại xăng dầu như: xăng M95, xăng E5, dầu DO, nhớt,...

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng và nguồn cung cấp điện, nước của Dự án đầu tư

a. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu

Nguyên liệu chủ yếu của Cửa hàng như sau:

Bảng 4: Các loại nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng tại dự án

STT	Nguyên liệu, nhiên liệu	Số lượng tiêu thụ/ngày	Nguồn gốc
1	Xăng M95	150 lít	Mua từ các nhà sản xuất và phân phối trong nước
2	Xăng E5, dầu DO	150 lít	
3	Dầu nhớt các loại	40 lít	

b. Nhu cầu sử dụng điện, nước

Nhu cầu sử dụng điện: Sử dụng điện năng từ lưới điện Quốc gia của huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Cửa hàng tiêu thụ khoảng 1.000 kWh/tháng để phục vụ cho hoạt động thấp sáng và sử dụng bơm xăng dầu.

Nhu cầu sử dụng nước: Sử dụng nước cấp từ mạng lưới cấp nước của huyện Cao Lãnh.

Bảng 5: Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

T	Mục đích sử dụng	Định mức	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /ngày)	Dự kiến nước thải phát sinh (m ³ /ngày)
1	Sinh hoạt nhân viên (2 người)	80lít/người	0,16	0,16
2	Sinh hoạt của khách hàng (50 người)	6 lít/người	0,3	0,3
3	Phun ẩm sân bãi	0,5 lít/m ²	0,07	0
	Tổng		0,53	0,46

c. Nhu cầu sử dụng lao động

Tổng số lao động làm việc tại Cửa hàng kinh doanh xăng dầu là 2 người.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

1.5.1. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất khu vực thực hiện dự án

Toàn bộ diện tích khu đất thực hiện Dự án là 832,2 m² thuộc thửa đất số 732, tờ bản đồ số 9, ấp 7, xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh. Diện tích đất này đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Cao Lãnh cấp chứng nhận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ cấp GCN: CN10637 ngày 31/01/2024 (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Dự án đầu tư được đính kèm tại Phụ lục 1 của Báo cáo*).

Các hạng mục công trình chính của Cửa hàng kinh doanh xăng dầu được bố trí như sau:

Bảng 6: Các hạng mục công trình dự án

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà điều hành	62,4	7,50
3	Bể nhiên liệu	27,03	3,25
5	Mái che khu trụ bơm	600	72,10
6	Khu vực WC	8	0,96
7	Sân + đường nội bộ	134,77	16,19
Tổng		832,2	100

1.5.2. Tổ chức quản lý sản xuất, thực hiện dự án

1.5.2.1. Biên chế lao động

Tổng số lao động phục vụ tại Cửa hàng là 2 người nhằm thực hiện các công việc kinh doanh xăng dầu của Cửa hàng.

1.5.2.2. Chế độ làm việc

- Số ca làm việc trong ngày: 2 ca/ngày.
- Số giờ làm việc trong ca: 8 giờ/ca.
- Số ngày làm việc trong năm: 360 ngày.

1.5.3. Tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư để thực hiện cho Dự án là 20.268.000.000 đồng, chi phí này được lấy nguồn kinh phí của Công ty TNHH Thương mại Dầu khí Rạng Vân.

1.5.4. Tiến độ thực hiện Dự án

Tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng Dự án dự kiến trong thời gian khoảng 06/2024 – 02/2025, cụ thể như sau:

- Tháng 06-10/2024: Hoàn tất các thủ tục pháp lý về môi trường và xây dựng.
- Tháng 11/2024-01/2025: Xây dựng các hạng mục công trình và lắp đặt máy móc thiết bị cho Dự án.
- Tháng 02/2025: Đưa Cửa hàng kinh doanh xăng dầu vào hoạt động.

CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường

Dự án đầu tư "Cửa hàng kinh doanh xăng dầu" của Công ty TNHH Thương mại Dầu khí Rạng Vân tại xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện hoàn toàn phù hợp với Chiến lược Bảo vệ Môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt theo Quyết định số 450/QĐ- TTg ngày 13/4 2022 của Thủ tướng Chính phủ. Quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 và Nghị quyết số 372/2020 NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Tháp 05 năm (2021-2025).

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải

Dự án đầu tư "Cửa hàng kinh doanh xăng dầu" của Công ty TNHH Thương mại Dầu khí Rạng Vân là dự án thuộc lĩnh vực kinh doanh bán lẻ xăng dầu. Trong giai đoạn xây dựng và hoạt động của Dự án chủ yếu phát sinh hơi xăng dầu, bụi, tiếng ồn, độ rung và nước thải sinh hoạt. Do đó, căn cứ theo các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bảo vệ môi trường: QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh; QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Công ty TNHH Thương mại Dầu khí Rạng Vân sẽ tuân thủ, chịu trách nhiệm về công tác đảm bảo môi trường theo các quy chuẩn nêu trên.

CHƯƠNG III: HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực dự án

Theo khảo sát, vị trí Dự án có địa hình tương đối bằng phẳng, nằm tiếp giáp tỉnh lộ ĐT856, ấp 7, xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh có thể dễ dàng kết nối đầy đủ hạ tầng kỹ thuật. Chất lượng thành phần môi trường khu vực Dự án còn tốt, đủ khả năng chịu tải khi Dự án triển khai xây dựng và đi vào hoạt động.

Hiện nay, khu vực Dự án là đất trống, đã được san lấp mặt bằng, mặt đất trong khu đất của Dự án chủ yếu là cỏ dại; hệ sinh thái, động thực vật sống trong khu vực này không có giá trị bảo tồn. Vì vậy, nên việc triển khai thi công xây dựng Dự án sẽ không tác động, ảnh hưởng đến tài nguyên sinh học trên cạn và dưới nước.

Khu vực Dự án không có các đối tượng nhạy cảm về môi trường và các loài thực vật, động vật hoang dã, các loài đặc hữu có thể bị tác động do Dự án.

Chất lượng thành phần môi trường khu vực thực hiện Dự án còn tốt, đủ khả năng chịu tải khi Dự án triển khai xây dựng và đi vào hoạt động.

3.2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của Dự án

3.2.1. Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải

3.2.1.1. Các yếu tố địa lý, địa hình, khí tượng khu vực tiếp nhận nước thải

Nguồn tiếp nhận nước thải của Dự án là mương lộ gần khu vực Dự án rồi chảy vào nguồn tiếp nhận là Kinh Thầy Thuộc đoạn chảy qua khu vực xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh do đó khu vực tiếp nhận nước thải mang đặc điểm về địa lý, địa hình, khí tượng chung của khu vực Dự án.

a. Các yếu tố địa lý:

Dự án thuộc xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh. Xã Phương Thịnh nằm ở phía Bắc huyện Cao Lãnh, có vị trí địa lý như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Tháp Mười.
- Phía Nam giáp xã Phong Mỹ và xã Ba Sao.
- Phía Đông giáp huyện Tháp Mười và xã Ba Sao.
- Phía Tây giáp huyện Tam Nông.

Xã Phương Thịnh có diện tích 45,75 km² mật độ dân số đạt 178 người/km², là vùng đồng bằng chằng chịt kênh rạch. Kinh tế chủ yếu là trồng lúa và chăn nuôi, công nghiệp và dịch vụ không đáng kể.

b. Địa hình: khu vực có địa hình tương đối bằng phẳng, độ chênh lệch cao độ địa hình trong khu vực khảo sát hầu như không đáng kể.

c. Điều kiện về khí tượng:

Khu vực xây dựng Dự án nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, nhiệt độ cao đều trong năm và hai mùa mưa – khô rõ rệt.

Các số liệu điều kiện về khí hậu, khi tượng trình bày dưới đây được tham khảo từ Công Thông tin điện tử tỉnh Đồng Tháp (thống kê dài hạn) và Niên Giám thống kê năm 2020 tỉnh Đồng Tháp xuất bản năm 2021.

❖ **Nhiệt độ không khí**

Nhiệt độ trung bình năm: 27,85°C. Tháng có nhiệt độ trung bình cao nhất 19,94°C. Tháng có nhiệt độ trung bình thấp nhất: 25,8°C. Biên độ nhiệt trung bình dao động trong khoảng 4,14°C.

Bảng 7: Nhiệt độ không khí trung bình qua các năm

Năm	2017	2018	2019	2020
Tháng 1	26,60	26,03	26,49	26,79
Tháng 2	26,63	26,09	26,86	27,30
Tháng 3	27,50	27,97	28,54	28,98
Tháng 4	28,50	28,82	29,94	29,49
Tháng 5	28,00	28,48	29,40	30,39
Tháng 6	28,30	27,97	28,41	28,14
Tháng 7	27,50	27,46	28,29	28,30
Tháng 8	27,40	27,75	27,30	28,15
Tháng 9	28,10	27,50	27,72	27,41
Tháng 10	27,70	28,21	28,16	26,75
Tháng 11	27,20	27,90	27,34	27,37
Tháng 12	25,70	27,65	25,80	26,17
Bình quân năm	27,43	27,65	27,85	27,94

❖ **Chế độ nắng**

Bảng 8: Thống kê số giờ nắng qua các năm (Hr)

Năm	2017	2018	2019	2020
Tháng 1	221,0	187,8	239,1	268,9
Tháng 2	218,0	232,4	248,6	266,2
Tháng 3	252,0	246,8	281,9	272,8
Tháng 4	263,0	257,7	253,3	244,3
Tháng 5	168,0	211,0	249,6	254,6
Tháng 6	182,0	173,9	182,7	183,7
Tháng 7	148,0	183,0	196,8	212,4

Tháng 8	206,0	172,9	170,7	201,0
Tháng 9	198,0	182,9	147,8	184,5
Tháng 10	178,0	239,1	244,9	134,1
Tháng 11	179,0	206,4	220,7	207,3
Tháng 12	197,0	199,3	271,9	205,1
Bình quân năm	200,8	207,8	225,7	219,6

❖ **Chế độ mưa**

Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 11, lượng mưa chiếm 90- 92 % lượng mưa cả năm, trong đó tập trung vào tháng 10 (30 – 40% lượng mưa năm), còn lại mùa khô chiếm 8 – 10% lượng mưa năm.

Bảng 9: Thống kê lượng mưa qua các năm (mm)

Năm	2017	2018	2019	2020
Tháng 1	56,3	50,8	19,1	-
Tháng 2	38,1	3,3	-	3,4
Tháng 3	81,5	26,6	71,7	-
Tháng 4	65,1	48,9	20,6	112,3
Tháng 5	153,7	216,8	148,9	70,9
Tháng 6	216,9	149,9	287,9	337,9
Tháng 7	199,0	121,9	163,7	158,1
Tháng 8	142,0	170,0	210,7	185,1
Tháng 9	128,3	234,01	148,1	523,4
Tháng 10	319,2	258,3	205,8	263,9
Tháng 11	101,2	34,7	279,5	78,6
Tháng 12	61,0	100,7	108,1	40,2
Bình quân năm	130,2	118,0	138,7	147,8

❖ **Chế độ gió**

Thịnh hành theo hướng Tây Nam và Đông Bắc (tháng 1 - 11), ngoài ra có gió chướng (tháng 2, 4), cá biệt mùa mưa có gió lốc xoáy. Tốc độ gió bình quân năm 2,2m/s.

Tốc độ gió mạnh nhất từng đạt được: 41m/s (bão Chanchu 2005).

❖ **Độ ẩm**

Độ ẩm bình quân cả năm 82,5%. Trong đó tháng 3 là tháng thấp nhất có độ ẩm 78,5%.

Bảng 10: Thống kê độ ẩm qua các năm (%)

Năm	2017	2018	2019	2020
Tháng 1	81,0	83,4	78,9	77,5
Tháng 2	89,0	80,2	78,4	77,5
Tháng 3	80,0	78,5	78,3	75,1
Tháng 4	89,0	80,0	77,5	78,2
Tháng 5	87,0	85,0	81,2	77,5
Tháng 6	90,0	83,1	83,4	82,3
Tháng 7	94,0	83,5	82,5	81,4
Tháng 8	93,0	84,5	84,9	82,0
Tháng 9	83,0	85,1	84,4	86,4
Tháng 10	82,0	81,6	82,3	86,6
Tháng 11	84,0	81,2	81,3	83,0
Tháng 12	80,0	83,4	80,2	83,1
Bình quân năm	86,0	82,5	81,1	80,9

3.2.1.2. Hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải; chế độ thủy văn/hải văn của nguồn nước

Nguồn tiếp nhận nước thải của Dự án: là mương lộ phía trước khu vực Dự án rồi chảy vào kênh nội đồng khu vực xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh.

Chế độ nước của kênh nội đồng chịu ảnh hưởng thủy văn của sông Tiền và ảnh hưởng thủy triều của biển Đông, hệ thống sông Vàm Cỏ. Khu vực Dự án chịu ảnh hưởng chung của chế độ triều biển Đông, bị chi phối bởi thủy văn của đồng bằng sông Cửu Long nên trong một năm có hai mùa rõ rệt: mùa lũ và mùa kiệt.

Mùa kiệt: Từ tháng 12 đến tháng 5 năm sau, dòng chảy của các kênh rạch nội đồng chịu ảnh hưởng trực tiếp của dòng chảy của sông Tiền, dưới tác động của thủy triều. Trong mùa này mực nước kênh rạch xuống thấp và đạt mức thấp nhất vào trung tuần tháng 4, do vậy đã làm một số nơi trong huyện thiếu nước ngọt để sản xuất.

Mùa lũ: Bắt đầu từ tháng 6, tháng 7 hàng năm do lượng mưa từ thượng nguồn đổ về gặp triều biển Đông làm mực nước sông tăng cao dần và đạt đỉnh là cao nhất vào tháng 10, tháng 11 và đến tháng 12 nước lũ bắt đầu rút dần.

3.2.2. Mô tả chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải

Mương lộ tiếp nhận nguồn nước thải của 1 số hộ dân trên địa bàn xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh. Ngoài ra, còn tiếp nhận nước thải nông nghiệp của xã Phương Thịnh,

huyện Cao Lãnh..... nên chất lượng nước có dấu hiệu ô nhiễm bởi các thành phần chủ yếu là chất hữu cơ, cặn lơ lửng và các chất dinh dưỡng (N, P)...

3.2.3. Các hoạt động khai thác, sử dụng nước tại khu vực tiếp nhận nước thải

Mương lộ đoạn chạy qua địa phận xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh phục vụ thoát nước thải của các hộ dân và tưới tiêu nông nghiệp trên địa bàn xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, không có các hoạt động khai thác, sử dụng nước lớn tại khu vực tiếp nhận nước thải.

3.2.4. Hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải

Mương lộ đoạn chảy qua địa phận xã Phương Trà, huyện Cao Lãnh phục vụ cho mục đích tiêu thoát nước thải của các đối tượng hộ dân, cơ sở kinh doanh, các đơn vị hoạt động trên địa bàn.

Các đối tượng xả nước thải trong khu vực	Vị trí, Khoảng cách đến vị trí xả nước thải	Hoạt động phát sinh nước thải	Các thông số ô nhiễm chính có trong nước thải	Chế độ xả nước thải
Các hộ dân, công ty kinh doanh nhỏ trên địa bàn ấp 7, xã Phương Thịnh	Dọc tuyến đường ĐT856, ấp 7, xã Phương Thịnh: lân cận khu vực Dự án	Sinh hoạt	BOD ₅ , TSS, Amoni, Nitrat. phosphate và Coliform....	Liên tục 24/24h

CHƯƠNG IV: ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

4.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án

4.1.1. Về nước thải

a. Đối với nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình xây dựng sẽ được thu gom, xử lý bằng nhà vệ sinh di động đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Dự kiến số công nhân làm việc tối đa trên công trường của Dự án là 10 người.

Định mức sử dụng nhà vệ sinh di động là 10 người/ nhà vệ sinh trong 01 ca làm việc. Do đó, bố trí 01 nhà vệ sinh di động tại công trường cho công nhân sử dụng.

Chọn loại nhà vệ sinh di động có kích thước hợp khối 2,4m x 1,2m x 2,68 m, trong đó dung tích bồn nước thải là 1,2 m³.

Tổng dung tích bồn chứa nước thải của 1 nhà vệ sinh di động là 1,2 x 1 = 1,2m³.

Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt tối đa là 0,7 m³/ngày.

Thời gian lưu nước thải trong bồn chứa phân là:

$$1,2 \text{ m}^3 : 0,7 \text{ m}^3/\text{ngày} = 1,71 \text{ ngày.}$$

Do vậy, nhà thầu sẽ ký hợp đồng thuê đơn vị có chức năng hàng ngày đến hút đem đi xử lý theo đúng quy định.

b. Đối với nước thải từ quá trình thi công

- Đơn vị thi công bố trí 01 hồ lắng (2m x 2m x 1m) tại vị trí gần công trường có ngăn tách dầu và song chắn rác, để lắng cặn, với dầu nhớt lượng nước thải xây dựng. Sau một thời gian lắng cặn, định kỳ bơm nước thải thoát vào mương lộ.

- Để không chế ô nhiễm này ảnh hưởng đến nguồn tiếp nhận, Chủ đầu tư xây đường rãnh, ống thu gom bể lắng sơ bộ để lắng cát. Trong bể lắng sẽ ngăn vách tách dầu bằng phương pháp thủ công. Nước thải vào bể lắng sẽ được chảy qua ngăn tách dầu, dầu sẽ nổi trên mặt nước và tiến hành vớt dầu định kỳ. Nước thải tiếp tục chảy qua ngăn lắng của bể, sau đó nước thải cho thoát vào mương lộ. Phần dầu mỡ sau khi tách được Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định. Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải xây dựng:



Lượng nước thải xây dựng (rửa xe, từ đào hố móng): Chủ dự án bố trí 01 hồ lắng khoảng 4m³ gần công ra vào công trình (kích thước: 2m x 2m x 1m) có ngăn tách dầu và song chắn rác, để lắng cặn, vớt dầu nhớt trước khi thoát vào nguồn tiếp nhận.

c. Nước thải từ quá trình thi công móng

- Bố trí 01 hố lắng khoảng $4m^3$ gần cổng ra vào công trường (kích thước $2m \times 2m \times 1m$). Nước thải từ quá trình thi công móng được lắng sơ bộ trước khi bơm thoát vào mương lộ để đảm bảo không gây ngập úng cho khu vực.

- Định kỳ cuối mỗi ngày lượng bùn sẽ được nạo vét, cho vào thùng chứa và hợp đồng vận chuyển đem đi xử lý.

- Trong quá trình thi công sẽ thường xuyên tiến hành dọn vệ sinh khu vực công trường như thu gom chất thải rắn không để rơi vãi để theo nước mưa thoát vào mương lộ gần khu vực Dự án. Các chất thải rắn thải bỏ từ quá trình thi công sẽ được thu gom tập kết tại địa điểm cách xa các mương lộ gần khu vực Dự án nhằm hạn chế đến mức thấp nhất tác động từ chất thải đến mương lộ gần khu vực Dự án này.

- Thường xuyên khơi thông dòng chảy, nạo vét hệ thống thoát nước tại khu vực thực hiện Dự án.

4.1.2. Về rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

a. Rác thải sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn thi công: ước tính khoảng 5 kg/ngày. Thực hiện chương trình phân loại rác tại nguồn theo quy định hiện hành.

Chất thải sinh hoạt phát sinh tại dự án được chia làm 3 loại gồm: Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm và chất thải rắn sinh hoạt khác:

- Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: nhóm giấy, nhựa, kim loại, cao su, ni lông, thủy tinh.

- Chất thải thực phẩm: nhóm thức ăn thừa, lá cây, rau, củ, quả, xác động vật.

- Chất thải rắn sinh hoạt khác (không bao gồm chất thải nguy hại).

Chủ đầu tư sẽ bố trí tại công trường 03 thùng chứa các dung tích 240 lít, có dán nhãn tên từng loại để thuận tiện cho việc phân loại. Huấn luyện, tuyên truyền giáo dục ý thức của công nhân tại công trường thu gom, phân loại rác tại nguồn. Hàng ngày, nhân viên vệ sinh sẽ thu gom về khu vực góc đường ĐT856 có diện tích $2m^2$. Chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom mỗi ngày.

b. Chất thải xây dựng

❖ **Chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng:** bao gồm sắt thép, bao bì đựng nguyên vật liệu (xi măng, bột trét, sơn nước, gạch ceramic,...), gạch đá, xà bần, sinh khối cây xanh từ quá trình phá dỡ mặt bằng và quá trình thi công xây dựng.

Thực hiện phân loại theo đúng quy định hiện hành và Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16/05/2017 của Bộ xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng thành các loại sau đây:

+ Chất thải rắn có khả năng tái chế được: gồm sắt thép, gỗ, giấy, bao bì, nhựa đường (tái chế thành vật liệu bê tông nhựa). Chủ đầu tư sẽ bán phế liệu hoặc đưa sang công trình khác để tái sử dụng hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom theo

dùng quy định.

+ Chất thải rắn có thể được tái sử dụng ngay trên công trường hoặc tái sử dụng ở các công trường xây dựng khác: gồm đất, cát, đá, gạch, vữa, ngói, bê tông.... Chủ đầu tư sẽ tái sử dụng hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom theo đúng quy định.

+ Chất thải không tái chế, tái sử dụng được: bentonite.... Chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Đối với phế liệu (sắt thép, bao bì dụng cụ nguyên vật liệu) trong quá trình thi công sẽ được tập kết về bãi tập kết của công trình, bố trí gần khu vực tập kết nguyên vật liệu cho tiện trong việc quản lý, thuận lợi cho phương tiện vận chuyển ra khỏi công trường.
- Bố trí khu vực lưu chứa chất thải rắn xây dựng có diện tích 2m² tiếp giáp đường DT856.
- Lượng phế liệu sẽ được thu gom và vận chuyển đi xử lý định kỳ 2-3 lần/tuần để đảm bảo công tác an toàn vệ sinh và an toàn lao động trên công trường.

c. Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng sẽ được thu gom, xử lý tuân thủ theo quy chế quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chất thải nguy hại từ quá trình xây dựng như sơn, chất chống thấm, dầu mỡ thải, dầu hắc in thải, dung môi pha sơn, thùng đựng sơn, cọ dính dầu, bóng đèn, các loại giẻ lau dính dầu nhớt sẽ được quản lý như sau:

➤ Thu gom

Khi có CTNH phát sinh, nhà thầu xây dựng và công nhân tham gia thi công có trách nhiệm đưa chất thải tới tại khu vực lưu chứa cố định trong công trường.

Bố trí các thùng chứa riêng biệt cho từng loại chất thải nguy hại, thực hiện phân loại, dán nhãn thiết bị lưu chứa.

Khu chứa chất thải nguy hại có diện tích 2m². Khu vực lưu chứa có mái che mưa nắng, nền được trát vừa chống thấm nước, có gờ chắn. CTNH phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo trì máy móc (giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhớt thải) được quản lý chặt chẽ và đúng quy định.

+ Lưu trữ: Chủ đầu tư thực hiện dán mã chất thải nguy hại, biển cảnh báo đối với từng loại chất thải nguy hại.

- Giẻ lau nhiễm dầu mỡ sử dụng thùng nhựa 240 lít có nắp đậy.
 - Chất thải lỏng (dầu nhớt thải, dung môi thải, cặn sơn) đựng trong các thùng nhựa 240 lít có nắp đậy.
 - Thùng chứa, bao bì đựng sơn chứa trong thùng nhựa 240 lít có nắp đậy.
 - Hắc ín chứa trong thùng nhựa 60 lít có nắp đậy.
 - Bóng đèn thải chứa trong thùng nhựa 60 lít có nắp đậy.
- + Vận chuyển, xử lý: Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu

gom, vận chuyển, xử lý CTNH đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.1.3. Về bụi, khí thải

Để hạn chế mức độ ô nhiễm bụi tại khu vực công trường xây dựng, Chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị thi công thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Che chắn khu vực xây dựng.
- Sử dụng thiết bị chà tích hợp thu bụi để thu gom bụi từ hoạt động chà nhám tránh phát tán ra môi trường xung quanh:
- Thường xuyên phun nước chống bụi tại khu vực cổng, đường dẫn vào khu Dự án với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày:
- Bố trí nhân sự dọn dẹp vệ sinh đường công vụ 02 lần/ca làm việc;
- Thường xuyên tưới nước khu vực cổng, đường công vụ...
- Tăng cường nhân sự dọn dẹp vệ sinh thường xuyên khu vực tiếp giáp Dự án;
- Bố trí 01 nhân sự thường xuyên kiểm tra việc thực hiện của các Nhà thầu tại công trình như đã cam kết;
- Thực hiện rửa và dọn vệ sinh đường mỗi buổi sáng trước 6 giờ sáng khu vực ra vào Dự án;
- Công nhân sẽ được trang bị bảo hộ lao động theo đúng tiêu chuẩn được quy định để hạn chế ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân.
- Bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển và đi lại.
- Áp dụng các biện pháp thi công phù hợp, cơ giới hóa, sử dụng máy trước đã được kiểm định và thường xuyên bảo dưỡng;
- Các phương tiện vận chuyển được rửa bánh xe trước khi ra khỏi công trường;
- Áp dụng các biện pháp thi công phù hợp, cơ giới hóa các thao tác trong quá trình thi công.
- Phân bố luồng xe tải ra vào công trường chuyên chở nguyên vật liệu phù hợp, tránh ùn tắc, gây ô nhiễm khói bụi cho khu vực
- Các phương tiện giao thông vận tải và thi công cơ giới sẽ được sử dụng đúng với thiết kế của động cơ, tải trọng và theo chế độ chạy xe hợp lý để giảm thiểu lượng khí thải sinh ra.
- Hàng ngày tổ chức và sinh công nghiệp trên công trường vào cuối giờ làm việc, bảo đảm cho công trường luôn được gọn sạch.

Phương án vệ sinh, không chế bụi rơi vãi trong vận chuyển:

- Chủ dự án phối hợp với đơn vị thi công giám sát xe vận chuyển vật liệu xây dựng đảm bảo các xe cho vật liệu không cho quá tải trọng, vượt quá thể tích thùng xe để tránh tình trạng rơi vãi đất đá trên đường vận chuyển, đất cát chỉ được đưa lên xe vận chuyển ở trạng thái khô. Các xe vận chuyển phải có tấm bạt che phủ.
- Các xe cho đúng tải trọng, chạy với tốc độ chậm khi đi vào khu vực Dự án (<5

km/h).

- Tiến hành quét dọn, tưới rửa mặt đường giao thông vận chuyển nguyên liệu trước khu vực xây dựng Dự án sau mỗi ngày thi công.
- Các phương tiện chuyên chở trước khi ra ngoài Dự án sẽ được xịt rửa thùng xe, bánh xe để hạn chế bụi bám vào xe.
- Các phương tiện vận chuyển cần xịt trước bánh xe trước khi ra khỏi công trường nhằm giảm thiểu bụi đường do vận chuyển.
- Trang bị đồ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại vị trí bốc xếp nguyên vật liệu như khẩu trang, giày, găng tay, kính....
- Nhiên liệu sử dụng cho phương tiện vận chuyển phải là nhiên liệu được lưu hành trên thị trường và hạn chế gây ô nhiễm.
- Tài xế lái xe tuân thủ các quy định luật giao thông nhằm tránh ùn tắc, an toàn khi di chuyển.

4.1.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

a. Đối với nước mưa chảy tràn

Trong giai đoạn xây dựng vào mùa mưa, nước mưa chảy tràn qua mặt bằng thi công sẽ cuốn theo đất, cát, rác thải và đặc biệt là dầu nhớt rơi vãi.... xuống các kênh rạch thoát nước của khu vực. Các biện pháp đề xuất nhằm hạn chế tác động đến các kênh rạch thoát nước của khu vực như sau:

- Thu dọn, vệ sinh khu vực công và tuyến đường vào khu vực Dự án hàng ngày, bảo đảm luôn sạch gọn tránh tình trạng ngập úng và chất thải rắn: rác sinh hoạt, cát đá... rơi vãi ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị khu vực xung quanh Dự án.

- Thu gom rác thải sinh hoạt, không đổ rác vào kênh rạch thoát nước tại khu vực Dự án.

- Che dầy các kho bãi chất vật liệu xây dựng bằng vải nhựa hay vải dầu để phòng nước mưa gây xói lở hay bồi lắng.

- Trong quá trình sửa chữa máy móc thiết bị, dầu nhớt sẽ được thu gom triệt để, không để rơi vãi hoặc đổ tùy tiện trên mặt bằng khu vực. Lượng chất thải này sẽ được xử lý như chất thải nguy hại theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chủ đầu tư ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa trước tiên để thu gom nước mưa chảy tràn.

b. Không chế tiếng ồn

Chủ đầu tư sẽ yêu cầu đơn vị thi công thực hiện các biện pháp sau:

- Các loại xe chở hàng đến và đi khỏi công trường phải bảo đảm tuân thủ các quy định hiện hành về tình trạng kỹ thuật xe, chờ đứng tải trọng thiết kế để hạn chế tối đa mức độ ồn và rung do việc vận chuyển gây ra.

- Thời gian cắt thép, gia công thép sẽ được sắp xếp tránh vào thời gian nghỉ ngơi của người dân.

- Bố trí các hoạt động của thiết bị thi công phù hợp; thường xuyên kiểm tra bảo trì thiết bị các thiết bị thi công phải có chân đế để giảm thiểu độ rung.

- Không được gõ gàu, dũ gàu vào thời gian nghỉ ngơi của người dân

- Các máy móc thiết bị thi công thường xuyên được bảo trì, tra dầu mỡ và thay thế kịp thời các bộ phận bị mòn để máy luôn ở tình trạng tốt khi hoạt động.

- Nhà thầu sẽ bố trí các hoạt động của các phương tiện thi công một cách phù hợp, các thiết bị thi công gây tiếng ồn lớn như máy khoan, máy đào... không hoạt động trong khoảng thời gian từ 18h đến 6h sáng hôm sau, giờ ăn và nghỉ trưa.

- Các máy móc thiết bị hoạt động gián đoạn trong quá trình thi công sẽ được tắt máy hoàn toàn trong giai đoạn nghỉ hoạt động.

❖ **Giảm thiểu tiếng ồn từ quá trình đổ bê tông và vận chuyển xà bần**

Tiếng ồn phát sinh từ quá trình đổ bê tông chủ yếu từ xe vận chuyển bê tông tươi, máy bơm bê tông. Chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp sau để giảm thiểu tiếng ồn:

- Hạn chế thi công đổ bê tông và vận chuyển xà bần sau 10h đêm.

- Các máy móc sẽ được bố trí bên trong hàng rào công trình.

- Định kỳ kiểm tra, tra dầu nhớt đối với các máy móc, thiết bị thi công xây dựng.

Đối với phương tiện vận chuyển xà bần:

- Phải chờ đúng tải trọng cho phép của xe.

- Xe phải được phủ kín trước khi ra khỏi công trường.

c. Các biện pháp giảm thiểu tác động tới các công trình lân cận xung quanh và hạ tầng khu vực thực hiện Dự án

Để hạn chế các tác động trên có thể áp dụng các biện pháp sau:

- Thực hiện khảo sát hiện trạng công trình xung quanh Dự án: chụp hình hiện trạng trước khi tiến hành thi công.

- Đảm bảo phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, xà bần phải được chở đúng tải trọng, xe phải được phủ bạt, phải được kiểm định chất lượng theo đúng quy định. Người điều khiển xe phải có đầy đủ giấy phép lái xe, sức khỏe ổn định.

- Bảo đảm khoảng cách an toàn khi thi công, thường xuyên kiểm tra tường vây để tránh nguy cơ gây sạt lở làm ảnh hưởng đến công trình xung quanh.

- Thu gom và xử lý chất thải theo đúng quy định.

d. Biện pháp giảm thiểu tác động tới tình hình giao thông tại khu vực

- Bố trí thời gian vận chuyển phù hợp, theo ca, không chồng chéo để nhiều xe chờ đợi nhau gây cản trở bên ngoài công trình.

- Lắp đặt các biển báo công trình đang thi công xây dựng.

- Tuân thủ đúng thời gian cho phép lưu thông trong huyện Cao Lãnh đối với xe tải vận chuyển nguyên vật liệu.

- Các xe vận chuyển ra khỏi công trình phải được che chắn cẩn thận, tránh để nguyên vật liệu, đất cát rơi vãi xuống đường làm cản trở giao thông, tăng lượng bụi tại

các tuyến đường này.

- Có người điều khiển xe ra vào công trình trong suốt thời gian thi công, trình gây ra tai nạn giao thông tại khu vực.

e. Giảm thiểu tác động đến sụt lún đến các công trình lân cận

- Gia cố nền đất bằng khoan cọc nhồi.
- Chủ đầu tư luôn có các phương án thi công hiệu quả nhằm hạn chế tối đa các tác động gây sụt lún công trình có thể xảy ra.

f. Giảm thiểu tác động đến ngập lụt cục bộ

- Bố trí 1 bơm công suất lớn và đường ống dài để hút nước công trình dự phòng nhằm hút nước và hạn chế tối đa nguy cơ ngập lụt cục bộ do công trình thi công gây ra.
- Thường xuyên nạo vét các kênh rạch thoát nước trong khu vực.
- Luôn có người giám sát và điều phối tại công trường không để nguồn nguyên liệu rơi vãi cục bộ làm tắc đường ống thoát nước.
- Luôn bố trí bụi bao phủ xe vận chuyển nguyên vật liệu nên các vấn đề rơi vãi cũng được hạn chế do đó tình trạng nguồn nguyên vật liệu rơi vãi làm nghẹt cống khó xảy ra.

g. Biện pháp an toàn khi làm việc với thiết bị thi công cơ giới

- Kiểm tra bằng lái của người điều khiển máy móc thiết bị cơ giới, bằng lái phải do cơ quan chức năng cấp.
- Kiểm tra các thông số kỹ thuật và điều kiện an toàn của thiết bị thi công trước khi đưa vào hoạt động.
- Lắp đặt biển hạn chế qua lại khu làm việc của thiết bị thi công cơ giới.
- Cử nhân viên cảnh giới và chỉ huy thiết bị nâng cầu.

h. Biện pháp an toàn cháy nổ tại công trường

- Công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ.
- Các máy móc, thiết bị thi công làm việc ở nhiệt độ, áp suất sẽ được quản lý thông qua hồ sơ lý lịch, được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng nhà nước.
- Các loại nguyên vật liệu dễ cháy sẽ được lưu trữ tại các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện.
- Ban hành nội quy cấm công nhân không được hút thuốc, không gây phát lửa tại các khu vực có thể gây cháy.

I. Biện pháp an toàn khi dùng điện

- Bọc kín các điểm tiếp nối điện bằng vật liệu cách điện.
- Kiểm tra công suất thiết bị phù hợp với khả năng chịu tải của nguồn.
- Tổ chức cảnh giới và treo biển báo khi sửa chữa điện.
- Công nhân làm việc trong lĩnh vực điện phải có chứng chỉ do cơ quan chức năng

cấp.

- Xây dựng và ban hành nội quy an toàn về điện.

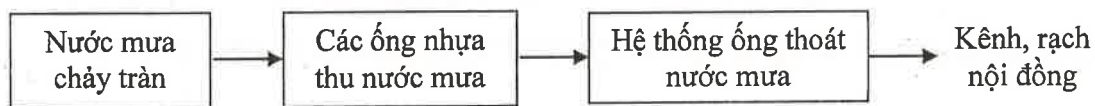
4.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

4.2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

4.2.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Cửa hàng kinh doanh xăng dầu có diện tích khu đất nhỏ khoảng 832,2 m² nên lượng nước mưa chảy tràn không lớn. Hầu hết nước mưa chảy tràn và thoát vào các kênh, rạch nội đồng trong khu vực nên không ảnh hưởng đến môi trường.

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa sẽ được xây dựng như sau:



Hình 4: Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn dự án

- Hệ thống thoát nước mưa và nước thải tách riêng.
- Hệ thống thoát nước mưa của dự án bao gồm nước mưa từ mái khu nhà điều hành được thoát bằng hệ thống các ống dẫn trực đứng uPVC và nước mưa từ sân bãi nội bộ được thoát bằng mương hở thoát nước mưa. Cạnh lắng trên tuyến thoát nước mưa định kỳ được nhân viên nạo vét, thu gom và đưa đi xử lý hợp vệ sinh cùng với các loại chất thải rắn thông thường khác.
- Hệ thống thoát nước mưa đảm bảo có độ dốc tự chảy, thoát ra ngoài công trình nhanh nhất.
- Hệ thống thoát nước mưa sử dụng đường ống uPVC DN400, độ dốc tối thiểu $i = 1\%$ sau đó thoát nước mưa ra mương lộ.

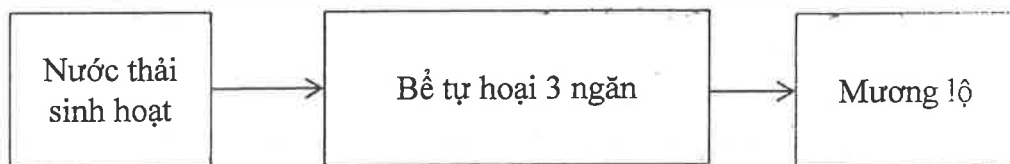
Bảng 11: Tổng hợp hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Hố ga nước mưa BTCT	cái	6
2	Ống uPVC DN400	m	150
3	Mương hở BTCT D400	m	240

4.2.1.2. Thu gom, thoát nước thải:

- Hệ thống thoát nước bẩn tách riêng hệ thống thoát nước mưa.
- Công trình thu gom nước thải: Các ống thoát phân, thoát tiểu của nhà vệ sinh được tập trung đưa về bể tự hoại.

Sơ đồ thu gom nước thải tại dự án được thể hiện trong hình sau:



Hình 5: Sơ đồ thoát nước thải của dự án

Bảng 12: Tổng hợp hệ thống thu gom, thoát nước thải của dự án

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Hố ga nước thải BTCT	cái	3
2	Ống PVC DN110	m	250

- Công trình thoát nước thải: Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án được xử lý tại bể tự hoại 3 ngăn đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT (K=1,2) và xả vào mương lộ bằng đường ống PVC D110.

- Phương thức xả thải: Tự chảy, 24/24.

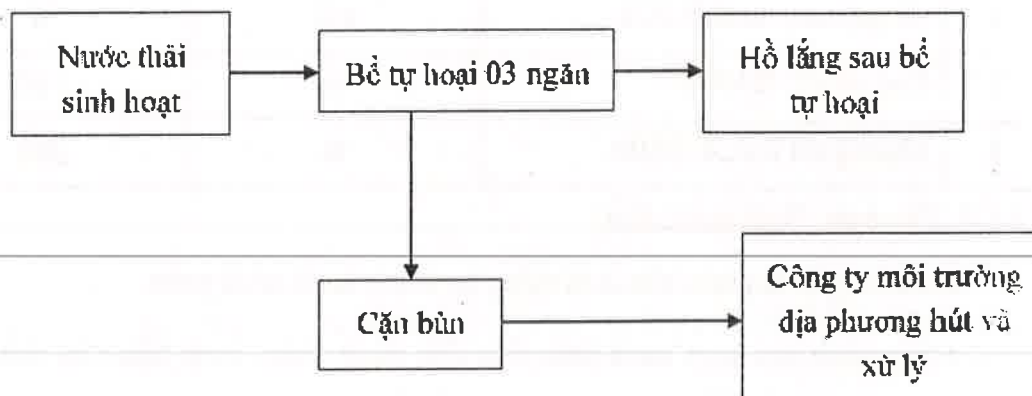
- Điểm xả nước thải sau xử lý: mương lộ. Tọa độ vị trí xả thải: X=1167672; Y = 572325 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°).

4.2.1.3. Nước thải sinh hoạt

Do số lượng nhân viên làm việc tại Cửa hàng không lớn (chỉ 2 người) và ước tính lượng khách sử dụng nhà vệ sinh của dự án là 50 người. Do vậy, Chủ cửa hàng bố trí nhà vệ sinh tại Cửa hàng.

Nước thải sinh hoạt của nhân viên, khách được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại có thể tích là $6\text{m}^3 = 2\text{m} \times 2\text{m} \times 1,5\text{m}$ (dài x rộng x cao). Bể được xây bằng gạch, xi măng và được đặt bố trí tại khu vực nhà vệ sinh của Cửa hàng. Với quy mô của dự án, lượng nước thải tối đa phát sinh là $0,46 \text{ m}^3/\text{ngày}$ sẽ được lưu chứa hoàn toàn tại bể tự hoại.

Sơ đồ thu gom xử lý nước thải sinh hoạt như sau:



Hình 6: Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt

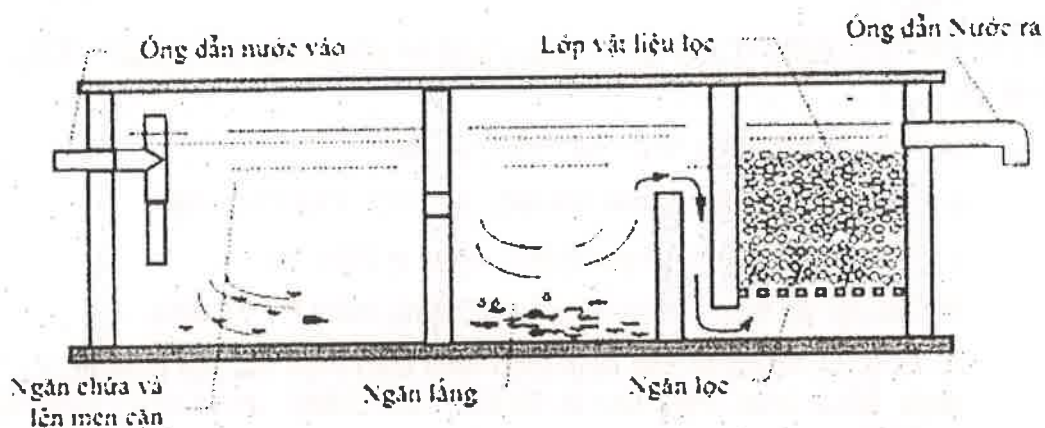
Nước thải sinh hoạt được thu gom theo đường ống PVC Ø110 với vận tốc 0,5%.

Sau đó dẫn ra bể được xây dựng bằng bê tông cốt thép, kích thước D1000 x 600 mm. Tuy nhiên lượng phát thải rất ít.

Dự kiến, số lượng nhân viên làm việc tại dự án là 2 người, theo TCXDVN 33:2006 – Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế thì lượng nước sinh hoạt là 80 lít/người.ngày thì lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,16 m³/ngày. Đồng thời, với 50 khách có nhu cầu sử dụng nước khoảng 6 lít/người tại dự án thì lượng nước thải phát sinh cao nhất là 0,3 m³/ngày.

Với tổng lượng nước thải phát sinh tối đa tại dự án là 0,46 m³/ngày thì quy mô công suất vận hành của bể tự hoại cải tiến (thể tích bể 6m³) thì bể tự hoại của Cửa hàng đủ khả năng xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh do nhân viên, khách tại Cửa hàng kinh doanh xăng dầu.

Nguyên tắc làm việc của bể tự hoại:



Hình 7: Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại

Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh và bồn rửa tay được đưa trực tiếp xuống bể tự hoại 3 ngăn để thực hiện quá trình xử lý sơ bộ bằng cách lắng cặn và phân hủy cặn lắng. Bể tự hoại 3 ngăn gồm: 1 ngăn chứa, 1 ngăn lắng và 1 ngăn lọc.

+ Ngăn chứa: Nước thải có chứa cặn được chảy vào ngăn này sau một thời gian cặn sẽ phân hủy thành bùn. Còn nước thải chảy tràn qua ngăn lắng.

+ Ngăn lắng: Tại đây các cặn lơ lửng được nước mang theo khi chảy tràn qua ngăn lắng sẽ được lắng xuống đáy bể, còn nước thải sẽ tiếp tục chảy tràn qua ngăn lọc.

+ Ngăn lọc: Tại đây có gắn lớp vật liệu lọc để làm sạch nước trước khi nước được chảy ra ngoài.

+ Nước thải sau bể tự hoại 03 ngăn đạt 65-70%, đối với chất lơ lửng và giảm chỉ tiêu BOD₅ và COD (khoảng 40-50%), Nước thải sau xử lý sẽ được thoát ra hồ lắng nước. Bùn lắng sẽ được xe bồn hút định kỳ mang đi xử lý.

- Định kỳ chất thải từ nhà vệ sinh sẽ được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

Đánh giá, nhận xét: Cửa hàng kinh doanh xăng dầu phát sinh lượng nước thải sinh hoạt không lớn, bể tự hoại của Cửa hàng hoàn toàn có thể tiếp nhận và đáp ứng được khả năng xử lý lượng chất thải này. Chủ cửa hàng đã đưa ra các công trình, biện pháp

thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đạt hiệu quả cao được kiểm soát tại nguồn nên không gây ảnh hưởng, tác động tới môi trường xung quanh.

4.2.1.4. Nước mưa nhiễm xăng dầu:

Tại khu vực công trình trụ bơm xăng dầu diễn ra hoạt động bơm xăng dầu cho các khách hàng tới nạp nhiên liệu cho phương tiện giao thông (xe máy, ô tô các loại) và trong suốt quá trình này không tránh khỏi sự cố rơi, rớt xăng dầu ra ngoài (nền của khu vực cột bơm xăng, dầu). Do đó, khi có hiện tượng mưa qua khu vực công trình này thì nước mưa chảy tràn sẽ nhiễm thành phần xăng dầu.

Tổng lượng nước mưa có thể phát sinh từ khu trụ bơm khi không có mái che được ước tính theo công thức sau:

$$Q = q \times C \times F (*)$$

Trong đó:

(*) TCVN 7957:2008: Thoát nước, mạng lưới và công trình bên ngoài – Tiêu chuẩn thiết kế.

Q: Lưu lượng nước mưa chảy tràn cực đại.

q: Cường độ mưa tính toán (l/s.ha), $q = A(1+CxlgP)/(t+b)n$

t: Thời gian dòng chảy mưa (phút), chọn $t=180$ phút

P: Chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán (năm), chọn $P = 10$ năm

A, C, b, n: Tham số xác định theo điều kiện mưa của địa phương, (trị số được tham khảo theo Phụ lục B TCVN 7957:2008: $A=11.650$; $C=0,58$; $b=32$; $n=0,95$);

Như vậy, cường độ mưa tại khu vực dự án: $q = 113,49$ (l/s.ha)

C: Hệ số dòng chảy, phụ thuộc tính chất mặt phủ của lưu vực và chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán P (đối với bề mặt bê tông $C=0,8$)

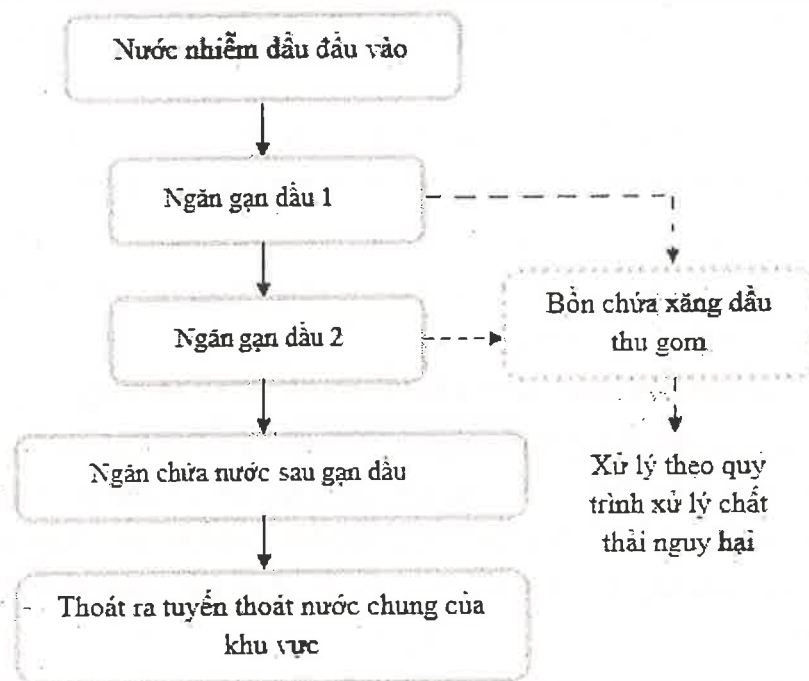
F: Diện tích khu vực tính toán ($600 \text{ m}^2 = 0,06\text{ha}$)

Như vậy, lượng nước mưa phát sinh từ khu vực trụ bơm là 3,65 l/s. (cho trường hợp không có mái che)

Do khu vực trụ bơm xăng có bố trí mái che nên nước mưa chỉ ảnh hưởng tối đa được 10% diện tích → Vì vậy, lưu lượng nước mưa nhiễm thành phần xăng, dầu chảy tràn qua khu vực dự án là: 0,365 l/s.

Tính với số giờ mưa lớn nhất/ngày là 180 phút, vậy lưu lượng mưa có nhiễm thành phần xăng, dầu các loại chảy về bể gạn dầu là $3,93 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Toàn bộ nước mưa nhiễm xăng dầu phát sinh sẽ được thu gom theo rãnh về bể gạn dầu có thể tích 5 m^3 . Quy trình xử lý nước thải nhiễm dầu của bể gạn dầu như sau:



Kết cấu: Có 3 ngăn thông nhau, tạo điều kiện cho quá trình phân ly của dầu bằng việc sử dụng vách hướng dòng có chiều cao phù hợp. Đảm bảo cho việc dầu và nước phân ly ra khỏi nhau với hiệu quả cao nhất. Ngăn số 3 là nơi ổn định dòng nước sạch trước khi đi ra khỏi bể đạt cột A, QCVN 29:2010/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu); sau đó sẽ cho thoát ra tuyến cống chung của khu vực. Cặn được lấy bằng phương pháp thủ công định kỳ. Dầu được vớt lên định kỳ và được bỏ vào thùng chứa chất thải nguy hại, quản lý theo đúng Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại. Quy mô hoạt động của cửa hàng tương đối nhỏ lượng nước thải phát sinh không thường xuyên và đều đặn nên việc xây dựng hệ thống xử lý nước thải như trên là hoàn toàn phù hợp với thực tế, ít ảnh hưởng đến môi trường.

Biện pháp giảm thiểu nước mưa nhiễm xăng dầu:

- Lắp đặt mái che cho khu vực trụ bơm.
- Tạo độ dốc riêng xung quanh trụ bơm để thu gom triệt để nước mưa nhiễm xăng dầu khi có phát sinh.

4.2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Các nguồn phát sinh ra bụi và khí thải tại Dự án chủ yếu từ các quá trình:

- Bụi, khí thải của các phương tiện đồ xăng dầu.
- Từ các hoạt động của Cửa hàng sẽ phát sinh các khí bay hơi từ quá trình nhập xăng và bơm xăng cho khách hàng.
- Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng.

Để giảm thiểu bụi và khí thải phát tán trong quá trình hoạt động của Cửa hàng kinh doanh xăng dầu. Chủ cửa hàng đã thực hiện các công trình, biện pháp như sau:

- Bố trí quạt thông thoáng để tránh mùi hôi đồng thời giúp điều hòa không khí trong những ngày nắng nóng.

- Thường xuyên tưới ẩm sân bãi khi trời nắng để giảm lượng bụi bay vào không khí.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì các máy móc thiết bị tại Cửa hàng.

- Quy định tắt máy xe trong thời gian dừng đỗ tiếp nhiên liệu.

Đánh giá, nhận xét: các công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi khí thải tại Cửa hàng đạt hiệu quả cao, bụi phát tán được kiểm soát tại nguồn nên không gây ảnh hưởng, tác động tới môi trường xung quanh.

4.2.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn thông thường phát sinh tại khu vực Dự án chủ yếu là rác thải sinh hoạt của nhân viên làm việc và khách vãng lai, với số lượng 2 người làm việc tại Cửa hàng thì khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 1 kg/ngày và 50 khách vãng lai phát sinh khoảng 10 kg/ngày. Chủ dự án sẽ có các công trình biện pháp giảm thiểu như sau:

- Thực hiện phân loại rác tại nguồn theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, nguyên tắc chia thành 3 loại:

(1) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế;

(2) Chất thải thực phẩm;

(3) CTRSH khác.

- Bố trí các thùng chứa rác thải sinh hoạt để lưu trữ chất thải phát sinh tại khu vực. Bố trí 03 thùng loại 60 lít, có nắp đậy nằm phía Đông dự án có diện tích 2 m². Cuối ngày tập kết ra vị trí quy định phía đường ĐT856 để đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Thuê và trả tiền cho đơn vị có chức năng thu gom rác thải sinh hoạt tại địa phương để thu gom và đem đi xử lý theo đúng quy định.

Đánh giá, nhận xét: các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường tại Cửa hàng đạt hiệu quả cao, không gây ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

4.2.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại trong quá trình hoạt động với thành phần bao gồm giẻ lau dính xăng dầu từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị kỹ thuật như máy bơm xăng dầu; máy phát điện; vỏ chai đựng dầu nhớt,...

Nước thải từ quá trình súc rửa bể chứa xăng dầu khi có sửa chữa lớn: đây là 1 loại chất thải lỏng nguy hại. Việc vệ sinh bể khoảng 2-5 năm/lần, ước tính lượng nước thải phát sinh khoảng 0,3 m³/1 lần (theo số liệu thực tế tại các cửa hàng xăng dầu có quy mô tương đương).

Quy trình súc rửa bể chứa xăng dầu: Khảo sát → kiểm tra mức độ nhiễm bẩn → phương án vệ sinh, tẩy rửa → tiến hành vệ sinh bồn bể xăng dầu → Nghiệm thu và bàn giao. (Bên đơn vị thực hiện vệ sinh có trách nhiệm thu gom toàn bộ nước thải phát sinh)

Biện pháp vệ sinh bồn chứa như sau:

- Tiến hành lắp ráp và ghép nối các đường ống dẫn dung môi từ ngoài vào trong bể chứa.
- Tiến hành bơm dung môi tuần hoàn vào bể mặt tiếp xúc trong thành bể.
- Sử dụng máy xịt cao áp để xịt rửa trong bể (sau khi các dung môi hóa chất tẩy rửa đã làm sạch bên trong bể chứa).
- Kiểm tra toàn bộ quá trình vệ sinh bằng cảm quan cũng như đo nồng độ chất tại các điểm vệ sinh.
- Sử dụng quạt thổi cấp khí tươi thoáng tự nhiên để làm khô bể chứa xăng dầu.

Bảng 13: Các loại CTNH phát sinh tại dự án

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau nhớt và dầu	18 02 01	Rắn	KS	20
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn	17 02 04	Lỏng	NH	10
3	Phế liệu kim loại bị nhiễm các thành phần nguy hại	11 04 01	Rắn	KS	20
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	18 01 03	Rắn	KS	15
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	NH	5
6	Mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 01	Rắn	KS	5
7	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện	16 01 13	Rắn	NH	20
8	Bùn thải từ bể lắng dầu	17 05 02	Bùn	NH	10
9	Nước lẫn dầu thải	17 05 05	Lỏng	NH	300
Tổng cộng					405

Khối lượng chất thải nguy hại được thu gom 2 lần/năm (6 tháng/1 lần).

- Các loại chất thải nguy hại đều được thu gom và có nơi chứa riêng, bỏ vào thùng chứa theo từng chủng loại, có dán nhãn, được tập kết tại kho chứa CTNH. Kho chứa có diện tích 2m², được bố trí trong khu vực của Cửa hàng.

- Kho chứa được xây dựng kín, kết cấu nhà cấp 4 có tường rào tole xung quanh, nền gạch xi măng chống thấm, xung quanh có gờ cao 0,5m, lập biển báo, dựng tôn chống cháy, có mái che bằng tôn và đặt biển báo thông báo đặc tính nguy hại của chất thải theo đúng quy định của Nghị định số 08/2022 ND-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Bên trong kho chứa bố trí các thùng chứa CTNH có dán nhãn và phân loại riêng biệt.

- Khi dự án đi vào hoạt động, chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý CTNH theo đúng quy định. Tần suất thu gom 2 lần/năm (6 tháng/1 lần).

Đánh giá, nhận xét: CTNH phát sinh trong quá trình kinh doanh hoạt động của

Cửa hàng rất ít, tuy nhiên Chủ cửa hàng cũng đã đưa ra đầy đủ các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại có hiệu quả cao, không gây ảnh hưởng tới môi trường xung quanh.

4.2.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Nhằm giảm thiểu tác động từ tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành Dự án. Chủ cửa hàng đã thực hiện các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động như sau:

- Bố trí thời gian hoạt động phù hợp theo quy định.
- Trang bị đầy đủ đồ bảo hộ lao động cho nhân viên.
- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng, máy móc thiết bị tại Dự án.

4.2.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Nhằm phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động, Chủ dự án đã thực hiện các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động như sau:

a. Phòng chống cháy nổ

Trong công tác phòng chống cháy nổ, Chủ dự án áp dụng các biện pháp sau:

+ Tuân thủ nghiêm ngặt quy định phòng cháy, chữa cháy trong khu vực. Xây dựng quy định PCCC để CBCNV áp dụng và học tập.

+ Luôn có các phương tiện chữa cháy tại khu vực làm việc, khu nguyên liệu và được công an PCCC tỉnh kiểm tra thường xuyên.

+ Lắp đặt các biển báo cháy, nổ, nguy hiểm.

+ Tăng cường ý thức phòng cháy chữa cháy cho công nhân viên làm việc trong cơ sở. Công tác này đã được Cảnh sát PCCC kiểm tra định kỳ.

+ Báo động khi có cháy xảy ra, di tản công nhân và thiết bị nơi xảy ra cháy.

+ Phương án PCCC, tổ chức PCCC thực hiện theo hướng dẫn và quy định của Cơ quan PCCC địa phương. Trong điều kiện sự cố vượt tầm kiểm soát và khả năng ứng phó của đơn vị, chủ dự án thông báo ngay cho cơ quan PCCC của địa phương để xin hỗ trợ kịp thời.

+ Trang bị thiết bị PCCC, loại bình xách tay đặt tại những khu vực có nguy cơ cháy nổ. Các thông số kỹ thuật của bình chữa cháy bao gồm:

- Loại bình: bình xách tay;
- Chất chữa cháy: CO₂.
- Khối lượng: 5kg;
- Thời gian phun: 9s
- Tầm phun xa: 2m.

b. Vệ sinh lao động và an toàn lao động, an toàn giao thông

* Các biện pháp đảm bảo an toàn lao động:

- Lắp đặt đèn chiếu sáng tại khu vực Dự án,
- Tạo môi trường lao động thông thoáng cho nhân viên làm việc tại Dự án.

* Trang bị bảo hộ lao động:

- Chủ dự án trang bị dụng cụ bảo hộ: Bao tay (len, cao su), khẩu trang, ủng hoặc giày, nón BHLĐ (nón vải, nón cứng); quần áo BHLĐ cho nhân viên làm việc tại Cửa hàng kinh doanh xăng dầu.

- Bố trí cho nhân viên được khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp.

* Công tác giáo dục kiến thức:

- Thường xuyên kiểm tra đôn đốc và buộc nhân viên phải tuân thủ nghiêm ngặt các biện pháp an toàn lao động.

- Hạn chế tối đa việc tiếp xúc liên tục giữa nhân viên với các nguồn gây ô nhiễm hoặc vật liệu nổ.

- Bồi dưỡng thường xuyên kiến thức vệ sinh và an toàn lao động cho CB CNV trong cơ sở.

- Tuyên truyền, giáo dục cho nhân viên về nội quy an toàn lao động và ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

* Hoạt động ứng phó khi xảy ra rủi ro, sự cố

Bên cạnh các biện pháp trên, Chủ dự án sẽ có các biện pháp ứng phó kịp thời như sau:

- Cách ly người bị nạn ra khỏi nguồn gây sự cố. Sơ cứu kịp thời người bị nạn trước khi chuyển đến cơ sở y tế gần nhất (trạm y tế xã), Bộ phận y tế được trang bị các phương tiện, thuốc men để thực hiện cấp cứu tại chỗ.

- Sử dụng xe công tác để vận chuyển người bị nạn đến cơ sở y tế gần nhất hoặc gọi điện cấp cứu số 115.

c. Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó rò rỉ các hóa chất độc hại

* Các hoạt động phòng ngừa

- Tuân thủ quy định quản lý, bàn giao CTNH cho đơn vị xử lý.

- Tuân thủ các quy định pháp luật về quản lý, sử dụng nhiên liệu, các máy móc thiết bị sử dụng nhiên liệu.

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị sử dụng nhiên liệu.

- Lập phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố và cơ quan có thẩm quyền để phê duyệt.

* Hoạt động ứng phó khi xảy ra rủi ro, sự cố

- Bằng mọi biện pháp không cho dầu, nhớt từ nguồn gây ô nhiễm do sự cố tiếp tục tràn ra môi trường xung quanh.

- Áp dụng các biện pháp ngăn, vây không cho chất ô nhiễm đã tràn ra tiếp tục loang rộng thêm, nhất là không cho lan ra vùng có nước.

- Di chuyển các phương tiện, máy móc ra khỏi vùng xảy ra sự cố.

- Tuyệt đối không dùng chất hoặc các biện pháp làm phân tán dầu, nhớt ra môi

trường xung quanh, nhất là trong môi trường nước.

- Dùng các dụng cụ thu gom vớt dầu, đất đã nhiễm dầu vào dụng cụ lưu chứa và chuyển về kho chứa CTNH để bàn giao cho đơn vị dịch vụ đến tiếp nhận, xử lý.

4.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

4.3.1. Dự toán kinh phí đối với các công trình bảo vệ môi trường

Để đảm bảo thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã đề ra, Báo cáo xin đề xuất tóm tắt dự toán kinh phí thực hiện cho các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong từng giai đoạn và tổ chức, bộ máy quản lý, hoạt động theo bảng sau:

Bảng 14: Tóm tắt dự toán kinh phí và tổ chức thực hiện, vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

Các công trình, biện pháp BVMT	Kế hoạch thực hiện	Dự kiến kinh phí thực hiện (VNĐ)
Giai đoạn thi công		
- Trang bị dụng cụ bao hộ lao động trong thời gian thi công	Tháng 11/2024 → 01/2025	30.000.000
- Thuê nhà vệ sinh di động	Tháng 11/2024 → 01/2025	50.000.000
- Lắp đặt các bể tự hoại 03 ngăn xử lý nước thuê sinh hoạt, xây dựng tuyến thoát nước thải sinh hoạt	Tháng 11/2024 → 01/2025	80.000.000
Giai đoạn hoạt động của Dự án		
- Bố trí các thùng rác chứa chất thải rắn sinh hoạt CTR công nghiệp thông thường, CTNH cho Dự án	Từ tháng 02/2025	5.000.000
- Kinh phí quan trắc môi trường	Từ tháng 02/2025	15.000.000/năm
- Kinh phí thu gom chất thải	Từ tháng 02/2025	20.000.000/năm

- Chủ dự án sẽ chịu trách nhiệm pháp lý đối với tất cả các công tác bảo vệ môi trường của Dự án trong suốt giai đoạn xây dựng và khi Dự án đi vào hoạt động.
- Chủ dự án sẽ giám sát tất cả các hoạt động của đơn vị thi công (có hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư) khi thực hiện thi công tại khu vực Dự án.
- Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe của cán bộ, nhân viên làm việc tại khu vực Dự án.
- Chủ dự án sẽ đầu tư xây dựng hạ tầng các công trình bao vệ môi trường theo đúng thiết kế và theo kế hoạch.

4.3.2. Tổ chức, bộ máy quản lý vận hành các công trình bảo vệ môi trường

*** Giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn xây dựng**

Chủ dự án thỏa thuận với đơn vị thi công (nhà thầu) để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường. Đồng thời, Chủ dự án sẽ giám sát các hoạt động của đơn vị thi công trong công tác bảo vệ môi trường.

*** Giai đoạn hoạt động**

- Chủ đầu tư trực tiếp quản lý vận hành Dự án: Công ty TNHH Thương mại Dầu khí Rạng Vân.

4.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

4.4.1. Nhận xét khách quan về mức độ chi tiết của các kết quả đánh giá, dự báo

Đánh giá các tác động môi trường của Dự án đến các đối tượng chịu tác động đều tuân thủ theo một trình tự:

- Xác định và định lượng (nếu có thể) nguồn gây tác động theo từng hoạt động (hoặc từng thành phần của các hoạt động) gây tác động của Dự án;
- Xác định quy mô không gian và thời gian của các đối tượng bị tác động;
- Đánh giá tác động dựa trên quy mô nguồn gốc tác động, quy mô không gian, thời gian, tính nhạy cảm của đối tượng chịu tác động.

Các đánh giá không chỉ xem xét tới các tác động trực tiếp từ hoạt động của Dự án mà còn được xem xét tới những tác động gián tiếp như là hậu quả của những biến đổi của các yếu tố môi trường đối với các tác động này.

Các đánh giá về các tác động của Dự án là khi chi tiết và cụ thể. Chính vì vậy mà trên cơ sở các đánh giá, Dự án đã đề ra được các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố một cách khả thi.

4.4.2. Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Độ tin cậy của các đánh giá trong báo cáo liên quan đến chất thải được trình bày trong bảng sau:

Bảng 15: Mức độ tin cậy của các đánh giá

STT	Các đánh giá	Mức độ chi tiết	Độ tin cậy	Diễn giải
1	Khí thải từ hoạt động giao thông vận tải, sử dụng máy móc, thiết bị thi công	Định lượng tác động. Hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và UNEP thiết lập.	Trung bình	Độ tin cậy trung bình do tác động ở mức định tính
2	Nước thải sinh hoạt	Định lượng tác động. Tham khảo TCXDVN 33:2006 và QCVN 01:2021/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.	Cao	Xác định thành phần và tính chất nước thải. Định lượng tải lượng và nồng độ nước thải

				phát sinh. Độ tin cậy cao, sử dụng các số liệu của Dự án (căn cứ trên các định mức cụ thể).
3	Chất thải rắn	Tham khảo khối lượng phát sinh thực tế từ tài liệu của WHO. Sử dụng Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	Cao	Độ tin cậy cao, sử dụng các số liệu của Dự án (căn cứ trên các định mức cụ thể)
4	Đánh giá tác động không liên quan đến chất thải	Tổng hợp các tài liệu về kết quả tình hình ô nhiễm tại các cửa hàng kinh doanh xăng dầu hiện hữu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, so sánh với các Dự án tương tự: so sánh với tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam.	Trung bình	Độ tin cậy trung bình do tác động ở mức định tính
5	Đánh giá các sự cố, rủi ro của Dự án	Tổng hợp tài liệu nghiên cứu các sự cố có khả năng xảy ra trong Dự án và các giải pháp thực hiện hiệu quả	Trung bình	Đánh giá định tính

CHƯƠNG V: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

5.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

5.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt từ nhân viên và khách vắng lại tại cửa hàng.

Nguồn số 2: Nước mưa nhiễm xăng dầu

5.1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tối đa là 0,53 m³/ngày.đêm.

Lưu lượng nước mưa nhiễm xăng dầu khoảng 3,93m³/ngày.

5.1.3. Dòng nước thải

Chủ cửa hàng kinh doanh xăng dầu đề nghị cấp phép 02 dòng nước thải:

- Dòng nước thải số 1: Nước thải sinh hoạt sau xử lý bể tự hoại đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,2 trước khi thải vào nguồn tiếp nhận là mương lộ gần khu vực Dự án.
- Dòng nước thải số 2: Nước mưa nhiễm xăng dầu sau xử lý tại bể gạn dầu đạt cột B, QCVN 29:2010/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu) trước khi thải vào nguồn tiếp nhận là mương lộ gần khu vực Dự án.

5.1.4. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Khu vực xả nước thải: mương lộ gần khu vực Dự án
- Tọa độ vị trí xả nước thải vào nguồn tiếp nhận: X=1167672; Y = 572325 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°).
- Hình thức xả thải: liên tục 24/24.
- Phương thức xả nước thải: tự chảy, xả mặt ven bờ.

Bảng 16: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải của Dự án

STT	Thông số	Đơn vị	Quy chuẩn so sánh
A	Dòng nước thải số 1 (nước thải sinh hoạt)		QCVN 14:2008/ BTNMT, cột B (K = 1,2)
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅	mg/l	60
3	TSS	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1200
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12

10	Phosphat (PO_4^{3-})	mg/l	12
11	Tổng Coliforms	MNP/100ml	5.000
B	Dòng nước thải số 1 (nước mưa nhiễm dầu)		QCVN 29:2010/BTNMT, cột B (cửa hàng không có dịch vụ rửa xe)
01	pH	-	5,5 - 9
02	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/l	150
03	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
04	Dầu mỡ khoáng	mg/l	30

5.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải

- Nguồn phát sinh bụi, khí thải hoạt động của máy phát điện dự phòng .
- Lưu lượng khí thải phát sinh của máy phát điện dự phòng công suất $S=1.500\text{kVA}$; $Q=9.690\text{ m}^3/\text{h}=2,69\text{ m}^3/\text{s}$.
- Các chất ô nhiễm: bụi, CO, NO₂, SO₂.
- Vị trí, tọa độ điểm phát thải: ống khói khí thải của máy phát điện dự phòng, tọa độ: X = 1167647; Y = 572332 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°).
- Phương thức xả khí thải: không thường xuyên, máy phát điện dự phòng chỉ hoạt động khi có sự cố về nguồn điện.
- Giá trị giới hạn chất gây ô nhiễm: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Bảng 17: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng khí thải của Dự án

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200
2	CO	mg/Nm ³	1.000
3	NO ₂	mg/Nm ³	850
4	SO ₂	mg/Nm ³	500

5.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: từ hoạt động của máy phát điện, từ các phương tiện giao thông trong phạm vi dự án.
- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: theo QCVN 26:2010/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Dự án không thuộc đối tượng quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Vì vậy, căn cứ theo khoản 5 Điều 21 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT thì việc quan trắc chất thải sẽ do chủ dự án đầu tư tự quyết định nhưng phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Kế hoạch chi tiết về thời gian lấy các loại mẫu chất thải của dự án như sau:

Giai đoạn	Thời gian VHTN	Tần suất lấy mẫu, quy chuẩn so sánh	Nội dung
Giai đoạn vận hành ổn định của bể tự hoại	Dự kiến 3-6 tháng (kể từ ngày được hoàn thành xây dựng dự án)	- 01 ngày/lần. - Số đợt lấy mẫu: 3 đợt liên tiếp. - Loại mẫu: Mẫu đơn bao gồm 04 mẫu nước thải (01 đầu vào+ 03 đầu ra) - Quy chuẩn: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1,2	- Vị trí: Nước thải đầu vào và đầu ra của bể tự hoại - Thông số: pH, BOD ₅ , TSS, sunfua, amoni, Nitrat, photphat, dầu mỡ động thực vật, tổng chất hoạt động bề mặt, tổng coliform.
Giai đoạn vận hành ổn định của bể gạn dầu	Dự kiến 3-6 tháng (kể từ ngày được hoàn thành xây dựng dự án)	- 01 ngày/lần. - Số đợt lấy mẫu: 3 đợt liên tiếp. - Loại mẫu: Mẫu đơn bao gồm 04 mẫu nước thải (01 đầu vào+ 03 đầu ra) - Quy chuẩn: QCVN 29:2010/BTNMT, cột B.	- Vị trí: Nước thải đầu vào và đầu ra của bể gạn dầu Thông số: pH, COD, TSS, dầu mỡ khoáng.

Để đánh giá hiệu quả của quá trình vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường của Dự án, Chủ đầu tư sẽ phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu Dịch vụ Công nghệ và Môi trường để tiến hành đo đạc, lấy mẫu phân tích môi trường tại Dự án.

- Trụ sở: Số 20 đường số 4, phường 15, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 577/QĐ-BTNMT ngày 25/3/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường với số hiệu Vimcerts 089.

- Quyết định số 758.2020/QĐ-VPCNCL ngày 15/9/2020 của Văn phòng công nhận chất lượng Quyết định về việc công nhận phòng thí nghiệm Trung tâm Nghiên cứu Dịch vụ Công nghệ và Môi trường phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 với số hiệu VILAS 495.

6.2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

6.2.1. Quan trắc tiếng ồn trong giai đoạn xây dựng

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực công trường thi công.
- Số lượng: 01 mẫu đợt (01 mẫu/01 vị trí).
- Chỉ tiêu giám sát: tiếng ồn (GTO).
- Tọa độ vị trí quan trắc: X = 1167647; Y = 572332 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°)
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/01 lần trong giai đoạn thi công xây dựng.

6.2.2. Quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động

a. Quan trắc môi trường không khí khu vực sản xuất

- Vị trí quan trắc:

Bảng 18: Vị trí giám sát không khí khu vực kinh doanh xăng dầu

STT	Vị trí	Tọa độ VN2000, (Kinh tuyến trực 105°00', múi 3°)	
		X (m)	Y (m)
1	Không khí khu vực kinh doanh xăng dầu của Cửa hàng	1167636	572332

- Thông số quan trắc: Hơi xăng hydrocacbon (C_xH_y), Tổng bụi lơ lửng (TSP), tiếng ồn, độ rung.
- Tần suất quan trắc. 06 tháng/01 lần.
- Quy chuẩn kỹ thuật so sánh:
 - +QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
 - +QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
 - +QCVN 27:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng về độ rung
 - + QCVN 24:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
 - + QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
 - +QCVN 02:2019 BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

b. Quan trắc bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng

- Vị trí quan trắc:

Bảng 19: Vị trí quan trắc, giám sát bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng

STT	Vị trí	Tọa độ VN2000, (Kinh tuyến trực 105°00', múi 3°)	
		X (m)	Y (m)
1	Ổng khói máy phát điện dự phòng	1167647	572332

- Thông số quan trắc: bụi, CO, NO₂, SO₂

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/01 lần.

- Quy chuẩn kỹ thuật so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

c. Quan trắc nước thải sinh hoạt sau khi xử lý

- Vị trí quan trắc

Bảng 20: Vị trí giám sát nước thải sinh hoạt sau khi xử lý

STT	Vị trí	Tọa độ VN2000, (Kinh tuyến trực 105°00', múi 3°)	
		X (m)	Y (m)
1	Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý	1167672	572325

- Thông số quan trắc: pH, TSS, BOD₅, Tổng N, Tổng P, dầu mỡ động thực vật, Coliform.

- Tần suất quan trắc: 06 tháng/01 lần.

- Quy chuẩn kỹ thuật so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

6.3. Kinh phí quan trắc môi trường hàng năm

Bảng 21: Chi phí giám sát môi trường của Dự án

Các công trình, biện pháp BVMT	Kế hoạch thực hiện	Dự kiến kinh phí thực hiện (VNĐ)
Giai đoạn thi công xây dựng của dự án		
Kinh phí quan trắc môi trường	Từ tháng 9-11/2024	5.000.000/giai đoạn xây dựng
Kinh phí thu gom chất thải	Từ tháng 9-11/2024	10.000.000/giai đoạn xây dựng
Giai đoạn hoạt động của dự án		
Kinh phí quan trắc môi trường	Từ tháng 12/2024	15.000.000/năm
Kinh phí thu gom chất thải	Từ tháng 12/2024	10.000.000/năm

CHƯƠNG VII: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư “Cửa hàng kinh doanh xăng dầu” của Công ty TNHH Thương mại Dầu khí Rạng Vân tại xã Phương Thịnh, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp được thành lập trên mẫu Phụ lục XI - Mẫu báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Công ty TNHH Thương mại Dầu khí Rạng Vân thông qua Báo cáo xin cam kết với các nội dung sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết về việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Cam kết sẽ thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành Dự án
- Cam kết tuân thủ nghiêm Luật bảo vệ môi trường, văn bản pháp luật và các quy định, quy chuẩn hiện hành có liên quan tới Dự án.
- Thực hiện tốt công tác giám sát môi trường (số lượng và tần suất giám sát). Đồng thời, Công ty TNHH Thương mại Dầu khí Rạng Vân cũng cam kết tuân thủ các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam.
- Cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu để xảy ra các vấn đề môi trường do hoạt động của Dự án gây ra.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐỒNG THÁP
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 1400857802

Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 04 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ: 13, ngày 19 tháng 11 năm 2018

*Được chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên thương mại dầu khí Rạng
Vân*

Cấp lại lần thứ: 1, ngày 06 tháng 02 năm 2018

*Được chuyển đổi từ Công ty TNHH thương mại dầu khí Rạng Vân (loại hình
Công ty TNHH hai thành viên trở lên)*

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ RẠNG
VÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: RANG VAN PETROLEUM TRADING
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: RANG VAN PETRO CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Số 155, Lê Đại Hành, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt
Nam*

Điện thoại: 02773 879 989

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 20.268.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai mươi tỷ hai trăm sáu mươi tám triệu đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: TRẦN NGỌC PHÚC

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 15/11/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 340796427

Ngày cấp: 11/05/2007

Nơi cấp: Công an Đồng Tháp

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 277-279, quốc lộ 30, khóm Mỹ Thượng, Phường
Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 277-279, quốc lộ 30, khóm Mỹ Thượng, Phường Mỹ Phú, Thành
phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRẦN NGỌC PHÚC

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 15/11/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 340796427

Ngày cấp: 11/05/2007

Nơi cấp: Công an Đồng Tháp

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 277-279, quốc lộ 30, khóm Mỹ Thượng, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 277-279, quốc lộ 30, khóm Mỹ Thượng, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Đình Phương Uyên

